

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819605] - Thực tập PLC
(CCQ2215AB)
CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt: 17
Số bài thi: 17
Số tờ giấy thi: 17

Đỗ Phương Nam N.N.Tuyến Đỗ Phương Nam N.N.Tuyến

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150090	Nguyễn Văn	Chương	17/04/2004	CCQ2215C	1	chương	7	7	7,0
2	2122150022	Nguyễn Đức	Mạnh	01/03/2004	CCQ2215A	0	Vong	0	0	0
3	2122150094	Vũ Văn	Minh	20/08/2004	CCQ2215A	0	Vong	0	0	0
4	2122170583	Huỳnh Thái	Nhã	30/06/2004	CCQ2215B	1	huynh th	8,5	7,3	7,8
5	2122150037	Đỗ Thế	Quân	01/01/2004	CCQ2215B	1	Đỗ Thế	5,0	5	5,0
6	2122150039	Nguyễn Đức	Quân	18/05/2004	CCQ2215B	0	Vong	0	0	0
7	2122150017	Trần Khánh	Quốc	27/10/2004	CCQ2215B	1	Quốc	8	7	7,4
8	2122150029	Cao Huỳnh Thái	Sơn	20/07/2004	CCQ2215B	1	Sơn	8,5	8,5	8,5
9	2122150038	Nguyễn Trí	Tài	07/02/2004	CCQ2215B	1	Tài	7,2	6,5	6,8
10	2122150007	Nguyễn Minh	Tâm	27/10/2004	CCQ2215B	1	Tâm	8	7,5	7,1
11	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài	Tấn	11/06/2004	CCQ2215B	1	Tấn	8,2	6,5	7,2
12	2122150035	Huỳnh Văn	Thịnh	28/09/2003	CCQ2215B	1	Vong	5	0	2,4
13	2122150016	Nguyễn Xuân	Thịnh	28/06/2004	CCQ2215B	1	Thịnh	9	8,5	8,7
14	2122150025	Phan Ngọc	Thông	21/03/2004	CCQ2215B	1	Thông	8	9	8,6
15	2122150006	Nguyễn Thành	Tính	20/04/2004	CCQ2215B	1	Tính	8,2	7,5	7,8
16	2122150019	Nguyễn Minh	Trí	01/11/2003	CCQ2215B	1	Trí	7	5,5	6,1
17	2122150042	Đặng Công	Trình	26/04/2004	CCQ2215B	1	Trình	7	6,5	6,7
18	2122150031	Nguyễn Minh	Trực	17/02/2004	CCQ2215B	1	Trực	8,5	7,5	8,0
19	2122150030	Hồ Quang	Trung	28/10/2004	CCQ2215B	1	Trung	7	7	7,0
20	2122150096	Tô Tuấn	Việt	14/10/2004	CCQ2215B	1	Việt	8,5	9	8,8
21	2122150010	Trần Như Tuấn	Vũ	19/10/2003	CCQ2215B	1	Vũ	7	7	7,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819603] - Thực tập PLC
(CCQ2215CD)
CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt: 19..
Số bài thi:19..
Số tờ giấy thi: 19

Đỗ P Nam NLN Tuyên
Đỗ P Nam NLN Tuyên

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150078	Lương Văn	Bình	24/10/2004	CCQ2215C		Bình	6,5	6,5	6,5
2	2122150080	Nguyễn Duy	Cường	21/04/2004	CCQ2215C		Cường	5,5	5,5	5,5
3	2122150049	Nguyễn Quốc	Đạt	25/04/2004	CCQ2215C		Đạt	7,5	6	6,6
4	2122150068	Ngô Thanh	Diệu	14/08/2004	CCQ2215C		Diệu	6	6	6
5	2122150046	Nguyễn Văn	Định	10/11/2004	CCQ2215C		Định	8,5	8,7	8,6
6	2122150077	Nguyễn Duy	Đông	15/07/2004	CCQ2215C		Đông	6,5	6,5	6,5
7	2122150052	Trần Minh	Dương	20/04/2004	CCQ2215C		Dương	7,5	8	7,8
8	2122150065	Nguyễn Ngọc	Hải	28/12/2004	CCQ2215C		Hải	7,5	8,3	8,0
9	2122150057	Huỳnh Huy	Hùng	17/08/2004	CCQ2215C		Hùng	6,5	6	6,2
10	2122150061	Phạm Văn	Hùng	25/08/2004	CCQ2215C		Hùng	6	6	6,0
11	2122150054	Đặng Quang	Huy	08/04/2003	CCQ2215C		Huy	7,5	6,6	7,0
12	2122150060	Nguyễn Quang	Huy	07/10/2004	CCQ2215C		Huy	7	7,5	7,3
13	2122150045	Nguyễn Tấn	Huy	24/01/2004	CCQ2215C		Huy	7,5	7	7,2
14	2122150074	Trần Quang	Huy	27/08/2004	CCQ2215C		Huy	7,5	7	7,2
15	2122150063	Trương Gia	Kiện	22/01/2004	CCQ2215C		Kiến	6	6	6,0
16	2122150099	Phan Văn	Kiệt	23/05/2004	CCQ2215C		Kiệt	9	9	9,0
17	2122150044	La Ngọc	Lễ	29/08/2004	CCQ2215C		Lễ	5,5	4	4,6
18	2121150042	Đỗ Thành	Thi	17/07/2002	CCQ2115B		Thi	8,5	8,5	8,5
19	2121150064	Nguyễn Đình	Tú	09/09/2002	CCQ2115B		Tú	5,5	5,5	5,5